CÔNG TY TNHH SX-TM DÂY & CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THANH
- VPKD : 192 Trần Đại Nghĩa- P.tân Tạo A- Q.Bình tân – TP.HCM
- ĐT : (028) 3 9770351 – 39770352 ; Fax : (028) 37565528- 37565529
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 04 :2017/BG.TACA **Ngày 12/09/2017**

Dây & Cáp 01 Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI II	LOẠI I	
				KẾT CẤU	ĐƠN GIÁ
	Cáp Đơn Đồng				
1	CV 8.0 mm²	VNĐ/mét	14.500		
2	CV 11 mm² (***)	"	17.700		
3	CV 14 mm²	"	23.300	7s / 1,60	26.200
4	CV 22 mm²	"	32.800	7s / 2,00	40.200
5	CV 25 mm²	"		7s / 2,10	44.300
6	CV 38 mm²	"	66.000	19s / 1,60	71.000
7	CV 50 mm²	"	80.000	19s / 1,80	89.500
8	CV 70 mm²	"		19s / 2,10	123.000
Cáp Pha 02 Lõi Đồng, Cách Điện 0,6/1KV, Vỏ PVC:			**CVV**	**ĐK**	
9	CVV 2 x 6.0	"	29.000	30.000	
10	CVV 2 x 8.0 M	"	32.500	35.000	
11	CVV 2 x 11 M (***)	"	42.000	45.500	
12	CVV 2 x 14 M	"	54.500	59.000	
13	CVV 2 x 14	"	61.000	66.000	
14	CVV 2 x 22 M	"	75.500	80.500	
15	CVV 2 x 22	"	92.000	99.500	
16	CVV 3 x 6.0 + 1 x 3.5	VNĐ/mét	50.500	52.500	
17	CVV 3 x 8.0 + 1 x 3.5 M	"	57.000	59.500	
18	CVV 3 x 11 + 1 x 6.0 M	"	72.000	76.500	
19	CVV 3 x 14 + 1 x 8.0 M	"	92.000	96.500	
20	CVV 3 x 22 + 1 x 11 M	"	128.000	133.500	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

12/9/2017

M.S.D.N: 1101716070 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THANH LONG AN - H. ĐỨC HÒA - T. LONG AN

TRẦN BÁO QUÂN

TAQA
CÁP ĐIỆN TACA DẪN ĐIỆN ĐẾN MỌI NHÀ

- VPKD : 192 Trần Đại Nghĩa- P.tân Tạo A- Q.Bình tân – TP.HCM
- ĐT : (028) 3 9770351 – 39770352 ; Fax : (028) 37565528- 37565529
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 04 :2017/BG.TACA **Ngày 12/09/2017**

Dây & Cáp Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI III	LOẠI II	LOẠI I
	Cáp Duplex (Cáp 2 lõi đồng)				
21	DV 6.0	"	15.300		22.200
22	DV 8.0	"	22.400	26.600	
23	DV 11(***)	"	35.500		
24	DV 14	"		47.000	53.000
25	DV 22	"		66.000	81.000
	Cáp Hàn (Wilding Cable)				
26	Cáp hàn 25	VNĐ/mét		20.000	
27	Cáp hàn 35	"		30.000	
28	Cáp hàn 50	"		40.000	
29	Cáp hàn 70	"		72.000	

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
	Loại 01 Lõi Đồng Mềm			
30	Vcm 1.0 mm^2	VNĐ/kg	110.000	79,57 mét/kg
31	Vcm 1.5 mm^2	"	117.000	62,47 mét/kg
32	Vcm 2.5 mm^2	"	127.000	42,08 mét/kg
33	Vcm 4.0 mm^2	"	128.500	31,35 mét/kg
34	Vcm 6.0 mm^2	"	135.500	20,39 mét/kg
35	Vcm 8.0 mm^2	VNĐ/mét	10.500	15,19 mét/kg
36	Vcm 10 mm^2	"	12.500	11,28 mét/kg
37	Vcm 16 mm^2	"	17.500	8,29 mét/kg
38	Vcm 25 mm^2	"	26.000	5,37 mét/kg
39	Vcm 35 mm^2	"	36.500	4,25 mét/kg
40	Vcm 50 mm^2	"	51.000	2,94 mét/kg
41	Vcm 70 mm^2	"	82.000	2,06 mét/kg

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

12/9/2017

- Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 04 :2017/BG.TACA **Ngày 12/09/2017**

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
	Loại 02 Lõi Đồng Mềm			
42	Vvcm 2 x 1.0 mm²	VNĐ/mét	4.400	Vỏ màu xám
43	Vvcm 2 x 1.5 mm²	"	5.300	"
44	Vvcm 2 x 2.5 mm²	"	8.200	"
45	Vvcm 2 x 4.0 mm²	"	11.600	"
46	Vvcm 2 x 6.0 mm²	"	17.000	"
47	Vvcm 2 x 8.0 mm²	"	25.200	Vỏ màu đen
48	Vvcm 2 x 10 mm²	"	32.600	"
49	Vvcm 2 x 16 mm²	"	44.000	"
50	Vvcm 2 x 25 mm²	"	66.200	"
51	Vvcm 2 x 35 mm²	"	88.800	"
52	Vvcm 2 x 50 mm²	"	123.400	"
53	Vvcm 2 x 70 mm²	"	189.500	"
	Loại 03 Lõi Đồng Mềm			
54	Vvcm 3 x 1.0 mm²	VNĐ/mét	6.300	Vỏ màu xám
55	Vvcm 3 x 1.5 mm²	"	7.800	"
56	Vvcm 3 x 2.5 mm²	"	11.600	"
57	Vvcm 3 x 4.0 mm²	"	16.400	"
58	Vvcm 3 x 6.0 mm²	"	24.200	"
59	Vvcm 3 x 8.0 mm²	"	34.700	Vỏ màu đen
60	Vvcm 3 x 10 mm²	"	44.000	"
61	Vvcm 3 x 16 mm²	"	62.000	"
62	Vvcm 3 x 25 mm²	"	93.500	"
63	Vvcm 3 x 35 mm²	"	126.000	"
64	Vvcm 3 x 50 mm²	"	174.800	"
65	Vvcm 3 x 70 mm²	"	273.000	"
	Loại 04 Lõi Đồng Mềm			
66	VCm 4 x 1.0 mm²	VNĐ/mét	7.800	Vỏ màu xám
67	VCm 4 x 1.5 mm²	"	9.900	"
68	VCm 4 x 2.5 mm²	"	13.900	"
69	VCm 4 x 4.0 mm²	"	19.200	"
70	VCm 4 x 6.0 mm²	"	28.200	"
71	VCm 4 x 8.0 mm²	"	39.900	Vỏ màu đen
72	VCm 4 x 10 mm²	"	53.600	"
73	VCm 4 x 16 mm²	"	71.400	"
74	VCm 4 x 25 mm²	"	107.200	"
75	VCm 4 x 35 mm²	"	145.400	"
76	VCm 4 x 50 mm²	"	205.300	"
77	**VCm 4 x 70 mm²**	"	307.000	"
	Loại Cáp Điều Khiển 05 Lõi Đồng Mềm			
78	Vvcm 5 x 1.0 mm²	"	12.500	Vỏ màu xám
79	Vvcm 5 x 1.5 mm²	"	15.000	"
80	Vvcm 5 x 2.5 mm²	"	21.000	"
81	Vvcm 5 x 4.0 mm²	"	27.500	"
82	Vvcm 5 x 6.0 mm²	"	42.000	"

12/9/2017

TRẦN BẢO QUÂN

	Loại Cáp Điều Khiển 07 Lõi Đồng Mềm			
83	Vvcm 7 x 1.0 mm²	"	15.500	Vỏ màu xám
84	Vvcm 7 x 1.5 mm²	"	19.500	"
85	Vvcm 7 x 2.5 mm²	"	28.500	"
86	Vvcm 7 x 4.0 mm²	"	37.000	"
87	Vvcm 7 x 6.0 mm²	"	58.000	"

Dây Cáp Trần

STT	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
	Dây Cáp Đồng Trần			
88	C 11	Đồng/Kg		
89	C 14 – C 16	"		
90	C 22 – C 25 – C 35	"		
91	C 38 – C 50	"		
92	C 60 – C 70 – C 75- C100	"		
93	C 95 – C 120 –> C 200	"		
94	C 250 – C 300	"		

SẢN PHẨM NHÔM - THÉP

Dây Cáp Nhôm Trần

95	A 16	Đồng/Kg		
96	A 25	"		
97	A 35 – -->A 95	"		
98	A 120	"		
99	A 150	"		
100	A 185	"		
101	A 240	"		
102	A 300	"		
	Cáp Thép (Nguyên liệu nhà máy thép Bình Tây)			
103	S 3/8	VNĐ /Kg		
104	S 5/8	"		
105	S 7/8	"		
	Dây Cáp Nhôm Lõi Thép Trần & Dây Cáp Nhôm Lõi Thép Bọc Mỡ (ACKP)			
106	AS 35	VNĐ /Kg	46.500	
107	AS 50	"	46.000	
108	AS 70	"	46.000	
109	AS 95	"	45.500	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

12/9/2017

TRẦN BẢO QUÂN

Dây & Cáp Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI II	LOẠI I	
	Dây Đơn Nhôm				
110	VA 25/10	đồng/kg	111.500		
111	VA 27/10	"	124.000		
112	VA 30/10	"	137.500		
113	VA 40/10	"	190.500		
	Cáp Nhôm Bọc	**LOẠI III**	**LOẠI II**	**LOẠI II Xám**	**LOẠI I**
114	AV 10		2.500	2.700	2.800
115	AV 16		3.200	3.300	3.800
116	AV 25	3.700	4.400	4.500	5.200
117	AV 35	5.800	6.600	6.700	7.100
118	AV 50	7.900	8.800	8.900	9.800
119	**AV 50 -19s**		10.500	10.700	11.000
120	AV 70	9.800	12.600	12.800	13.200
121	**AV 70 -19s**	13.700	14.200	14.500	14.700
122	AV 95		17.000	17.300	17.700
123	**AV 95 -19s**		18.200	18.500	19.200
124	AV 120		21.500	21.800	23.000
125	AV 150		28.000	28.500	
126	AV 185		32.500	33.000	35.500
127	AV 240				48.500
128	AV 300				58.500
	DUPLEX LỎI NHÔM 02 DÂY Cách điện PVC				
129	DAV 10		5.300		5.900
130	DAV 16		6.700		7.800
131	DAV 25	7.800	9.100		10.800
132	DAV 35	11.900	13.700		14.500
133	DAV 50	15.800	18.100		20.200
	Cáp Nhôm Lõi Thép Bọc				
134	ASV 35/6	Đồng/mét	8.900		
135	ASV 50/8	"	11.300		
136	ASV 70/11	"	16.600		
137	ASV 95/16		24.200		

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

12/9/2017

TRẦN BẢO QUÂN

Số 04 :2017/BG.TACA

CÁP VOẶN XOẮN ABC Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV

stt	QUI CÁCH	Kết cấu	ĐVT	Đơn giá
	Cáp Voặn Xoắn 02 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV			
01	**ABC 2 x 10**	2c x 7s/1,30	VNĐ/mét	7.200
02	**ABC 2 x 16**	2c x 7s/1,70	"	8.500
03	**ABC 2 x 25**	2c x 7s/2,14	"	11.800
04	**ABC 2 x 35**	2c x 7s/2,50	"	15.400
05	**ABC 2 x 50**	2c x 7s/3,00	"	21.500
06	**ABC 2 x 70**	2c x 19s/2,14	"	30.000
07	**ABC 2 x 95**	2c x 19s/2,50	"	40.000
	Cáp Voặn Xoắn 03 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV			
08	**ABC 3 x 16**	3c x 7s/1,70	VNĐ/mét	12.500
09	**ABC 3 x 25**	3c x 7s/2,14	"	17.600
10	**ABC 3 x 35**	3c x 7s/2,50	"	22.900
11	**ABC 3 x 50**	3c x 7s/3,00	"	32.000
12	**ABC 3 x 70**	3c x 19s/2,14	"	44.500
13	**ABC 3 x 95**	3c x 19s/2,50	"	59.000
	Cáp Voặn Xoắn 04 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV			
14	**ABC 4 x 16**	4c x 7s/1,70	VNĐ/mét	16.600
15	**ABC 4 x 25**	4c x 7s/2,14	"	23.400
16	**ABC 4 x 35**	4c x 7s/2,50	"	30.600
17	**ABC 4 x 50**	4c x 7s/3,00	"	42.500
18	**ABC 4 x 70**	4c x 19s/2,14	"	59.000
19	**ABC 4 x 95**	4c x 19s/2,50	"	79.000
	Cáp Voặn Xoắn ABC 04 pha (3 lớn + 1 nhỏ), Cách Điện XLPE 0,6/1KV			
20	**ABC 3 x 25 + 1 x 16**	3c x 7s/2,14 + 1c x 7s/1,70	VNĐ/mét	21.800
21	**ABC 3 x 35 + 1 x 25**	3c x 7s/2,5,0 + 1c x 7s/2,14	"	28.800
22	**ABC 3 x 50 + 1 x 35**	3c x 7s/3,00 + 1c x 7s/2,50	"	39.500
23	**ABC 3 x 70 + 1 x 50**	3c x 19s/2,14 + 1c x 7s/3,00	"	55.000
24	**ABC 3 x 95 + 1 x 70**	3c x 19s/2,50 + 1c x 19s/2,14	"	73.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

Tất cả Bảng giá phát hành trước đây không còn giá trị nữa .

12/9/2017

TRẦN BẢO QUÂN